Model No.GA048G 100MM CORDLESS ANGLE GRINDER

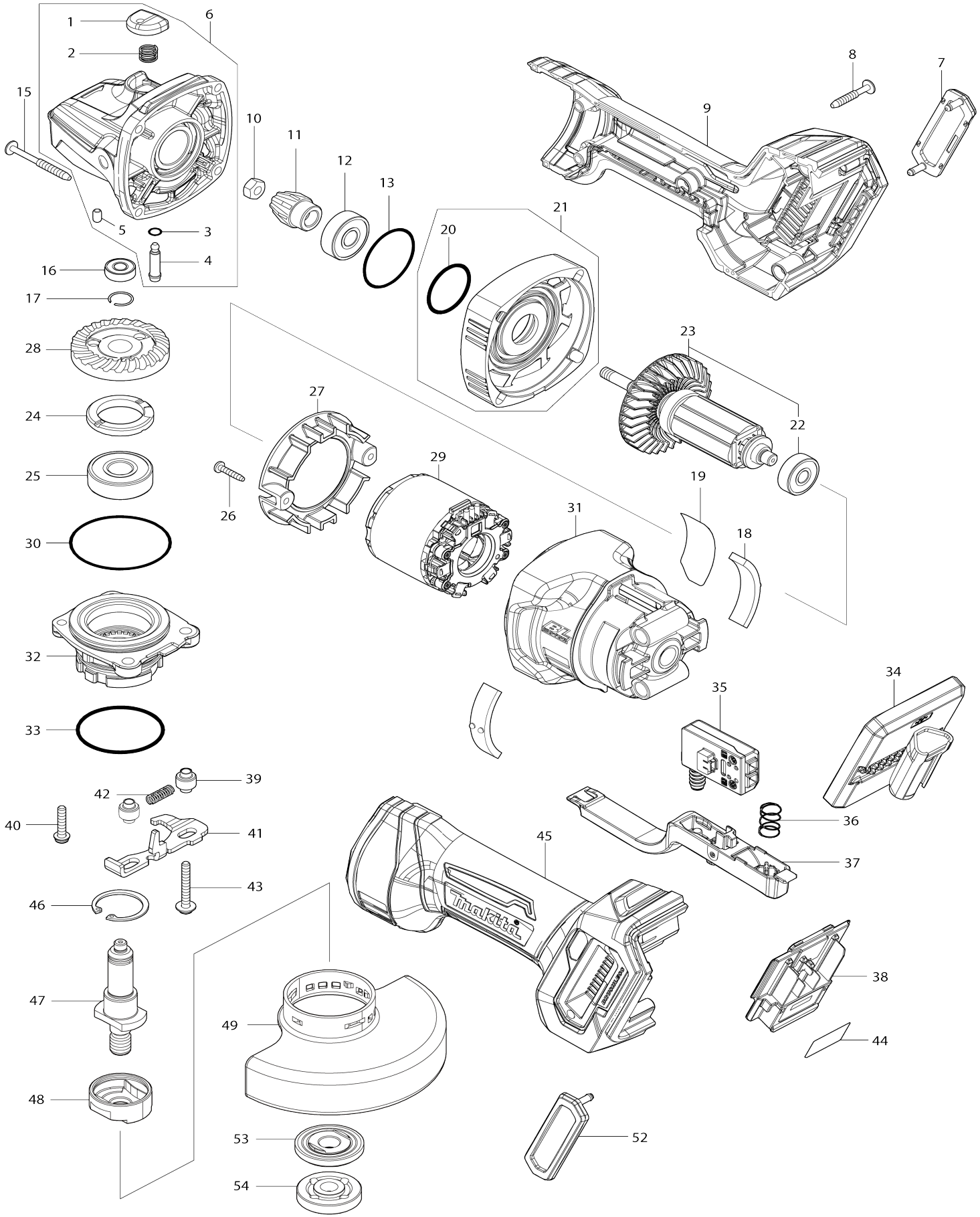

www.npower.com.vn
NAVITECH | MAKITA Authorized Service Center

Model No.GA048G 100MM CORDLESS ANGLE GRINDER

Bản vẽ	Mã Phụ tùng tùng	Mô tả	Tương ứng với	Số lượng	Cũ/ Mới	Ghi chú 1	Ghi chú 2
001	412234-7	Nắp chốt		1			
002	233072-2	Lò xo nến 8		1			
003	213960-9	Vòng đệm-o 5		1			
004	256546-6	Chốt giữ lưỡi 4		1			
005	263002-9	Chốt cao su 4		1			
006	136986-3	GEAR HOUSING ASSEMBLY		1			
006		INC. 1-5					
007	422A12-3	DUST COVER		1			
008	265999-8	Vít tự cắt ren đầu siết 4X25		5			
009	183Y56-9	HANDLE SET		1			
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2			
C20	422A11-5	CUSHION RING		4			
009		INC. 7,45,52					
010	252186-8	Đai ốc lục giác M6		1			
011	226976-5	Nhông côn xoắn 10		1			
012	210042-8	Bạc đạn 629LLB		1			
013	213A32-6	O-RING 32		1			
015	266048-4	Vít tự cắt ren đầu siết 4X40		4			
016	210033-9	Bạc đạn 696ZZ		1			
017	233950-6	Vòng canh búa 11		1			
018	422A10-7	FRONT CUSHION		2			
019	8589U6-1	GA048G NAME PLATE		1			
020	213445-5	Vòng đệm-o 26		1			
021	136989-7	GEAR HOUSING COVER ASS'Y		1			
021		INC. 20					
022	210023-2	Bạc đạn 627DDW		1	*		
022-1	210325-6	BALL BEARING 627DDW	<	1			
023	519810-9	ROTOR ASSEMBLY		1	*		
023		INC. 22			*		
023-1	510618-4	ROTOR ASS'Y	<	1			
023-1		INC. 22					
024	285039-6	Chốt giữ ổ đệm 23-33		1			
025	211137-0	Bạc đạn 6201LLU		1			
026	266429-2	Vít tự cắt ren đầu siết 3X16		2			
027	413P41-7	BAFFLE PLATE		1			
028	227A65-5	SPIRAL BEVEL GEAR 37		1			
029	629C11-0	STATOR		1			
030	213622-9	Vòng đệm-o 45		1			
031	1830B1-8	MOTOR HOUSING SET		1			
031		INC. 18					
032	141N73-9	BEARING BOX COMPLETE		1			
033	213789-3	Vòng đệm-o 38		1			
034	620L32-9	CONTROLLER		1			
035	651083-9	Công tắc C3XA-1PSPM		1			
036	233263-5	Lò xo nến 9		1			
037	141N71-3	SWITCH LEVER COMPLETE		1			
038	632P65-6	Bộ thiết bị đầu cuối		1			
039	327322-6	Chụp giữ mũi 4		2			

040	911138-5	Vít dầu dù M4X20 WR		2			
041	347803-4	Đòn bẩy		1			
042	232490-1	Lò xo nến 4		1			
043	911159-7	Vít dầu dù M4X30 WG		2			
044	8589J3-0	GA048G SERIAL NO.LABEL		1			
045	183Y56-9	HANDLE SET		1			
C10	263005-3	Chốt cao su 6		2			
C20	422A11-5	CUSHION RING		4			
045		INC. 7,9,52					
046	962105-3	Vòng giữ (int) R-26		1			
047	326669-5	Trục nhông chuyền		1			
048	310516-0	Mặt bích chì B		1			
049	141P42-2	WHEEL COVER 100 COMPLETE		1			
C10	8050A1-8	CAUTION LABEL		1			
052	422A12-3	DUST COVER		1			
053	224483-2	Mặt bích bên trong 30		1	*		
053-1	224492-1	Mặt bích bên trong 29B	O	1			
054	224559-5	Đai ốc khóa 10-30		1	*		
054-1	224610-1	Đai ốc khóa 10-29	O	1			
A01	A-80852	GRINDING WHEEL 100X6X16		1			
A02	191V54-1	Bộ phụ tùng nắp đậy đĩa cắt 100		1			
A03	162258-0	Tay cầm chống rung		1			
A04	782420-7	Khóa mở đai ốc 20		1			
F05	194514-0	Bộ tay cầm chống rung		1			